TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2023
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hùng Định và bà Đỗ Thị Hải.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Huỳnh Văn T** - sinh năm 1981; Địa chỉ: thôn M, xã D, huyện A, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Chị **Hồ Thị T** - sinh năm 1981; Địa chỉ: thôn M, xã D, huyện A, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và đơn xin xét xử vắng mặt anh Huỳnh Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị T tự nguyện tìm hiểu nhau đi đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 29/9/2006. Thời gian hôn nhân hạnh phúc nhưng từ khi sinh cháu Q, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị T đánh bạc, anh vừa lao động nuôi gia đình vừa phải trả nợ cho vợ. Bản thân thấy không hàn gắn hạnh phúc với chị T được nữa, hôn nhân không đạt được. Yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân anh chị có 02 con chung tên Huỳnh Đ – sinh ngày 21/10/2007 và Huỳnh Thị Tố Q – sinh ngày 22/12/2011. Anh có

nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là chị Hồ Thị T nhưng chị T không đến Toà án, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự và vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn T. Về hôn nhân: Anh T được ly hôn với chị T. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Đ – sinh ngày 21/10/2007 và Huỳnh Thị Tố Q – sinh ngày 22/12/2011 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Huỳnh Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Hồ Thị T. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự tại phiên tòa.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn. Các đương sự có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa anh T và chị T xảy ra mâu thuẫn, anh T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 29/9/2006. Đây là hôn nhân hợp pháp, anh T đề nghị Tòa án cho ly hôn vì trong quá trình sống chung, giữa

anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, chị T có đánh bạc, anh đã nhiều lần trả nợ cho chị T. Hội đồng xét xử thấy giữa anh T và chị T không tìm được tiếng nói chung, quan hệ hôn nhân giữa các bên đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Về con chung: Anh T và chị T có 02 con chung tên Huỳnh Đ – sinh ngày 21/10/2007 và Huỳnh Thị Tố Q – sinh ngày 22/12/2011. Các con chung đang sống cùng anh chị. Các con chung có nguyện vọng muốn sống cùng ba, anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T giao cháu Huỳnh Đ – sinh ngày 21/10/2007 và cháu Huỳnh Thị Tố Q – sinh ngày 22/12/2011 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không giải quyết.

Về án phí: anh Huỳnh Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, Điều 227, Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh Huỳnh Văn T được ly hôn với chị Hồ Thị T.

* Về con chung: giao các cháu Huỳnh Đ – sinh ngày 21/10/2007 và Huỳnh Thị Tố Q – sinh ngày 22/12/2011 cho anh Huỳnh Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về Tài sản chung: Không giải quyết.

* Về án phí: Anh Huỳnh Văn T phải chịu **300.000đ** (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng trước tại biên lai thu tiền số

0009539, ngày 03/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Anh T đã nộp đủ.

* Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ; Án Văn.

Lê Thị Xuân Hương